Phụ lục

DANH SÁCH XẾP NGẠCH CHUYÊN VIÊN CHÍNH ĐỐI VỚI CHỦ TỊCH UBND CẤP XÃ

(Kèm theo Quyết định số 2309 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, đơn vị công tác	Ngạch, bậc, hệ số lương hiện giữ				Xếp ngạch, bậc, hệ số lương ngạch chuyên viên chính				
				Mã số ngạch	Bậc	Hệ số lương	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau	Mã số ngạch	Bậc	Hệ số lương	Thời điểm được hưởng	Thời điểm tính nâng bậc lương lần sau
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
1	Cao Văn Hòa	04/02/1983	Chủ tịch UBND xã Hữu Lũng	01.003	6	3,99	01/07/2024	01.002	1	4,40	01/11/2025	01/11/2025
2	Nguyễn Văn Sáng	02/03/1980	Chủ tịch UBND xã Văn Quan	01.003	8	4,65	01/06/2024	01.002	2	4,74	01/11/2025	01/06/2024
3	Hoàng Minh Phúc	10/05/1985	Chủ tịch UBND xã Tuấn Sơn	01.003	5	3,66	01/07/2024	01.002	1	4,40	01/11/2025	01/11/2025
4	Nguyễn Trọng Vĩnh	09/8/1984	Chủ tịch UBND xã Hoàng Văn Thụ	01.003	6	3,99	01/11/2024	01.002	1	4,40	01/11/2025	01/11/2025
5	Hoàng Thanh Tuấn	07/8/1987	Chủ tịch UBND xã Hồng Phong	01.003	5	3,66	01/06/2023	01.002	1	4,40	01/11/2025	01/11/2025
6	Mã Văn Trường	01/5/1979	Chủ tịch UBND xã Na Sầm	01.003	9	4,98	01/09/2023	01.002	3	5,08	01/11/2025	01/09/2023
7	Đỗ Thanh Loan	24/5/1982	Chủ tịch UBND xã Vũ Lăng	01.003	8	4,65	01/04/2023	01.002	2	4,74	01/11/2025	01/04/2023
8	Trần Hoài Trang	29/6/1981	Chủ tịch UBND xã Yên Bình	01.003	7	4,32	01/01/2024	01.002	1	4,40	01/11/2025	01/01/2024
9	Hoàng Văn Hội	03/08/1983	Chủ tịch UBND xã Kiên Mộc	01.003	4	3,33	01/12/2023	01.002	1	4,40	01/11/2025	01/11/2025
10	Lý Hoàng Long	03/10/1980	Chủ tịch UBND xã Thiện Tân	01.003	8	4,65	01/01/2025	01.002	2	4,74	01/11/2025	01/01/2025
11	Lý Thị Dương	14/9/1985	Chủ tịch UBND xã Điềm He	01.003	7	4,32	01/10/2024	01.002	1	4,40	01/11/2025	01/10/2024
12	Hoàng Ngọc Hưng	28/07/1984	Chủ tịch UBND xã Tân Tiến	01.003	6	3,99	01/04/2025	01.002	1	4,40	01/11/2025	01/11/2025

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, đơn vị công tác	Ngạch, bậc, hệ số lương hiện giữ				Xếp ngạch, bậc, hệ số lương ngạch chuyên viên chính				
				Mã số ngạch	Bậc	Hệ số lương	Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau	Mã số ngạch	Bậc	Hệ số lương	Thời điểm được hưởng	Thời điểm tính nâng bậc lương lần sau
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
13	Nông Minh Nhường	21/03/1978	Chủ tịch UBND xã Hoa Thám	01.003	9	4,98	01/03/2024	01.002	3	5,08	01/11/2025	01/03/2024
14	Vũ Quang Hiển	22/09/1981	Chủ tịch UBND xã Vũ Lễ	01.003	7	4,32	01/04/2023	01.002	1	4,40	01/11/2025	01/04/2023
15	Nguyễn Hùng Mạnh	08/11/1983	Chủ tịch UBND xã Quan Sơn	01.003	7	4,32	01/01/2024	01.002	1	4,40	01/11/2025	01/01/2024
16	Bế Văn Lý	09-03-1986	Chủ tịch UBND xã Quý Hòa	01.003	5	3,66	01-11-2024	01.002	1	4,40	01/11/2025	01/11/2025
17	Triệu Đức Dũng	05/6/1983	Chủ tịch UBND xã Khánh Khê	01.003	7	4,32	01/11/2023	01.002	1	4,40	01/11/2025	01/11/2023
18	Hoàng Đình Hiển	03/08/1981	Chủ tịch UBND xã Thiện Hòa	01.003	7	4,32	01/09/2023	01.002	1	4,40	01/11/2025	01/09/2023
19	Nông Anh Đức	23/09/1986	Chủ tịch UBND xã Quốc Việt	01.003	6	3,99	01/10/2024	01.002	1	4,40	01/11/2025	01/11/2025
20	Vy Thúy Thành	01/5/1980	Chủ tịch UBND xã Vân Nham	01.003	8	4,65	01/04/2024	01.002	2	4,74	01/11/2025	01/04/2024
21	La Văn Tùng	22/04/1975	Chủ tịch UBND xã Công Sơn	04.024	3	5,08	01/06/2024	01.002	3	5,08	01/11/2025	01/06/2024
22	Vũ Ngọc Hà	02/9/1979	Chủ tịch UBND xã Tân Đoàn	04.024	2	4,74	01/01/2023	01.002	2	4,74	01/11/2025	01/01/2023
23	Long Minh Tùng	12/4/1983	Chủ tịch UBND xã Bằng Mạc	04.024	1	4,40	01/01/2023	01.002	1	4,40	01/11/2025	01/01/2023
24	Vũ Hồng Trung	30/6/1989	Chủ tịch UBND phường Tam Thanh	21.188	1	4,40	24/01/2025	01.002	1	4,40	01/11/2025	24/01/2025

Danh sách này gồm có: 24 người./.